

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: **22/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 24/9/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 125/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 07 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991; ĐKKHKT và trú tại: xóm 9, xã KT, huyện K, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1986; ĐKKHKT và trú tại: xóm 10, xã KT, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Đ trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và Anh Trịnh Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã KT, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xóm 10, xã KT, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Đ nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ghen tuông vô cớ và vợ chồng sống chung với nhau lâu mà chưa có con, nên anh T thường xuyên đánh đập, chửi bới chị Đ. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T không thay đổi. Vì không thể chịu đựng được nữa nên chị Đ đã bỏ về nhà sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm 9, xã KC và sống ly thân với anh T từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do chị Đ bận công việc, không thể tham gia tố tụng, vì vậy chị đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trịnh Văn T trong bản tự khai xác định: anh và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã KT, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh phát hiện chị Đ có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Anh đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng về chung sống nhưng chị Đ vẫn không thay đổi. Theo anh, chị Đ trình bày do anh ghen tuông, đánh đập chị vô cớ là không đúng. Anh cũng xác định vợ chồng không về chung sống với nhau được nữa. Anh đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung tài sản: anh xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Nguyên đơn, và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trịnh Văn T; chị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh Trịnh Văn T, cư trú tại xóm 10, xã KT, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trịnh Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định Đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trịnh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã KT, huyện K, tỉnh Ninh Bình, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía Chị Đ cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo Nguyên nhân là do anh T ghen tuông vô cớ và vợ chồng sống chung với nhau lâu mà chưa có con, nên anh T thường xuyên đánh đập, chửi bới chị Đ. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T không thay đổi. Vì không thể chịu đựng được nữa nên chị Đ đã bỏ về nhà sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm 9, xã KC và sống ly thân với anh T từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Anh T xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh phát hiện chị Đ có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Anh đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng về chung sống nhưng chị Đ vẫn không thay đổi. Theo anh, chị Đ trình bày do anh ghen tuông, đánh đập chị vô cớ là không đúng. Như vậy, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn đưa ra là khác nhau nhưng anh T và chị Đ đều xác định cuộc sống chung có mâu thuẫn và không thể khắc phục được.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh T tại UBND xã KT là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận chị Đ và anh T có xảy ra mâu thuẫn, đến nay chị Đ đã không còn chung sống với anh T tại xóm 10, xã KT nữa mà bỏ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xóm 9, xã KC từ năm 2017.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị Đ, anh T hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị Đ giải quyết ly hôn anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trịnh Văn T đều xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trịnh Văn T đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trịnh Văn T.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA3076 ngày 02/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh